

Số: /QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày

tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Bằng Lũng,
huyện Chợ Đồn giai đoạn 2021-2030, định hướng đến năm 2050**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Thông báo số 1216-TB/TU ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nội dung Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy lần thứ 63 (khóa XII) nhiệm kỳ 2020-2025;

Căn cứ Quyết định số 2121/QĐ-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2020 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt nhiệm vụ đồ án điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung xây dựng thị trấn Bằng Lũng, huyện Chợ Đồn giai đoạn 2020-2030, định hướng đến năm 2050; Quyết định số 178/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2023 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng thị trấn Bằng Lũng, huyện Chợ Đồn giai đoạn 2021-2030, định hướng đến năm 2050;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 75/TTr-SXD ngày 09 tháng 01 năm 2024; Báo cáo kết quả thẩm định số 2414/BC-SXD ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Sở Xây dựng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Bằng Lũng, huyện Chợ Đồn giai đoạn 2021- 2030, định hướng đến năm 2050 với các nội dung sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Bằng Lũng, huyện Chợ Đồn giai đoạn 2021- 2030, định hướng đến năm 2050.

2. Phạm vi ranh giới nghiên cứu lập quy hoạch

- Phạm vi nghiên cứu quy hoạch khoảng 2.587,74ha, bao gồm diện tích tự nhiên thị trấn Bằng Lũng là 2.496,39ha và khoảng 91,35ha thuộc địa phận thôn Cốc Thử và một phần thôn Nà Tùm, xã Ngọc Phái.

- Phạm vi lập quy hoạch khoảng 1.271,37ha; trong đó, có 300ha trong phạm vi đã được UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch giai đoạn 2010-2020 tại Quyết định số 2042/QĐ-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2012; phạm vi mở rộng quy hoạch sang phía Đông, Đông Bắc khoảng 400ha, mở rộng sang phía Nam, Đông Nam khoảng 191,37ha, mở rộng sang phía Tây khoảng 280ha và mở rộng lên phía Bắc khoảng 100ha.

- Ranh giới lập quy hoạch

+ Phía Đông theo dọc trục Quốc lộ 3B (ĐT 257 cũ) đến toàn bộ địa giới thị trấn, tiếp giáp với xã Phương Viên.

+ Phía Tây đến cánh đồng Bản Tàn.

+ Phía Nam đến cánh đồng Bản Duồng và khu dân cư thôn Bản Duồng 1, Bản Duồng 2 tiếp giáp với xã Bằng Lãng.

+ Phía Bắc lấy đến thôn Cốc Thử và một phần thôn Nà Tùm xã Ngọc Phái đến suối Khau Cùm đoạn chảy qua cánh đồng Nà Bua.

+ Phía Đông Bắc đến cánh đồng Khuổi Tráng đến khu vực chân núi Thôm Pinh.

+ Phía Đông Nam lấy dọc suối Nặm Cẳng.

+ Phía Tây Nam theo dọc trục Quốc lộ 3C đến địa giới thị trấn, lấy một phần đất xã Bằng Lãng (phần đất đang hoạt động chế biến khoáng sản).

3. Giai đoạn quy hoạch, tỷ lệ bản đồ

- Giai đoạn quy hoạch năm 2021-2030, định hướng đến năm 2050.

- Tỷ lệ bản đồ 1/5.000.

4. Mục tiêu quy hoạch

- Mở rộng phạm vi phát triển đô thị, lấy Quốc Lộ 3C làm trục phát triển, định hướng đến năm 2030 thị trấn Bằng Lũng là trung tâm vùng phía Tây của tỉnh.

- Phát triển đô thị Bằng Lũng là trung tâm hành chính huyện, trở thành đô thị dịch vụ, là một trong những điểm dừng quan trọng trên hành lang kết nối Bắc-Nam, Đông –Tây.

- Xây dựng cơ sở hạ tầng đồng bộ, khai thác tối đa lợi thế sẵn có, thúc đẩy phát triển kinh tế công nghiệp, nông, lâm nghiệp và dịch vụ nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

- Tạo lập không gian đô thị giàu bản sắc, gắn kết hài hòa giữa khu vực hiện trạng cải tạo với khu vực phát triển mới; đồng thời, lưu giữ, bảo tồn cảnh quan tự nhiên và các giá trị văn hóa dân tộc trên địa bàn.

5. Tính chất, chức năng khu quy hoạch động lực phát triển đô thị

- Tính chất: Là thị trấn huyện lỵ, đô thị trung tâm tổng hợp về kinh tế, hành chính, văn hóa, giáo dục đào tạo, y tế, du lịch, dịch vụ của huyện Chợ Đồn.

- Chức năng: Là đô thị hạt nhân (đô thị loại V) có vai trò thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của vùng huyện Chợ Đồn. Định hướng xây dựng đô thị với các tiêu chí loại IV trong tương lai.

- Động lực phát triển: Thị trấn Bằng Lũng là đô thị cửa ngõ, là trung tâm tiêu vùng phía Tây của tỉnh. Kinh tế thương mại đối ngoại Tuyên Quang – Bắc Kạn – Thái Nguyên; sản xuất nông, lâm đặc trưng, du lịch, dịch vụ thương mại, du lịch cộng đồng, du lịch nghỉ dưỡng trải nghiệm và công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản, công nghiệp chế biến nông lâm sản.

6. Quy mô dân số, quy mô sử dụng đất

6.1. Quy mô dân số

- Dân số thị trấn Bằng Lũng: Hiện trạng (năm 2022) là 7.276 người, dự báo đến năm 2030 khoảng 8.800 người, đến năm 2050 khoảng 13.500 người.

- Dân số thôn Nà Tùm, thôn Cốc Thử, xã Ngọc Phái: Hiện trạng (năm 2022) là 700 người, dự báo đến năm 2030 khoảng 1.000 người, đến năm 2050 khoảng 1.500 người.

6.2. Quy mô sử dụng đất

- Tổng diện tích đất lập quy hoạch là 1.271,37 ha.

+ Đến năm 2030: Tổng diện tích đất xây dựng đô thị khoảng 562,99ha; trong đó, đất dân dụng khoảng 134,92ha, đất ngoài dân dụng khoảng 428,07ha.

+ Định hướng đến năm 2050. Tổng diện tích đất xây dựng đô thị được dự báo khoảng 785,16ha; trong đó, đất dân dụng khoảng 289,81ha, đất ngoài dân dụng khoảng 495,35ha.

Bảng cân bằng sử dụng đất theo các giai đoạn quy hoạch

TT	HẠNG MỤC	Giai đoạn 2021-2030		Giai đoạn 2030-2050	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT QUY HOẠCH	1.271,37		1.271,37	
	ĐẤT XÂY DỰNG ĐÔ THỊ	562,99	44,28	785,16	61,76
	ĐẤT KHÁC	708,38	55,72	486,21	38,24
A	Tổng diện tích đất xây dựng đô thị	562,98	100,00	785,16	100,00
I	Đất dân dụng	134,92	23,96	289,81	36,91
1	Đất Nhóm nhà ở	71,17	12,64	127,85	16,28
1.1	<i>Đất ở nông thôn hiện trạng chính trang</i>	7,70	1,37	12,84	1,64
1.2	<i>Đất ở làng xóm hiện trạng chính trang</i>	18,72	3,33	37,41	4,76
1.3	<i>Đơn vị ở hiện trạng chính trang</i>	32,85	5,84	65,7	8,37
1.4	<i>Đất đơn vị ở quy hoạch đợt đầu</i>	11,9	2,11	11,9	1,52
2	Đất Giáo dục	2	0,36	3,92	0,50
3	Đất Dịch vụ - Công cộng khác	6,31	1,12	69,16	8,81
3.1	<i>Đất Y tế</i>	0,06	0,01	0,76	0,10
3.2	<i>Đất Văn hóa</i>	0,92	0,16	47,22	6,01
3.3	<i>Đất Thể dục thể thao</i>	1,47	0,26	1,47	0,19

TT	HẠNG MỤC	Giai đoạn 2021-2030		Giai đoạn 2030-2050	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
3.4	Đất Thương mại, Dịch vụ	3,86	0,69	19,71	2,51
4	Đất cơ quan, trụ sở cấp đô thị	0,22	0,04	1	0,13
5	Đất cây xanh sử dụng công cộng	3,94	0,70	10,98	1,40
6	Đất Giao thông đô thị	50,01	8,88	75,06	9,56
7	Đất Hạ tầng kỹ thuật khác cấp đô thị	1,26	0,22	1,84	0,23
II	Khu Đất ngoài dân dụng	428,07	76,04	495,35	63,09
1	Đất sản xuất công nghiệp, kho tàng	63,91	11,35	81,84	10,42
2	Đất Trung tâm giáo dục, đào tạo, nghiên cứu	8,11	1,44	8,44	1,07
3	Đất Cơ quan, trụ sở ngoài đô thị	10,1	1,79	10,1	1,29
4	Đất dịch vụ, du lịch	232,74	41,34	232,74	29,64
5	Đất Trung tâm y tế	1,44	0,26	2,06	0,26
6	Đất trung tâm văn hóa, thể dục thể thao	4,45	0,79	12,51	1,59
7	Đất cây xanh cảnh quan	17,41	3,09	29,94	3,81
8	Đất di tích, tôn giáo	0,17	0,03	0,17	0,02
9	Đất An ninh	0,39	0,07	1,4	0,18
10	Đất Quốc phòng	2,97	0,53	2,97	0,38

TT	HẠNG MỤC	Giai đoạn 2021-2030		Giai đoạn 2030-2050	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
11	Đất giao thông đối ngoại	16,91	3,00	30,50	3,88
12	Đất hạ tầng kỹ thuật khác	10,35	1,84	17,35	2,21
13	Đất dự trữ phát triển	59,12	10,50	59,12	7,53
14	Đất hỗn hợp đa chức năng (không gồm đất ở)	0	-	6,21	0,79
B	Đất khác	708,38	100,00	486,21	100,00
1	Đất sản xuất nông nghiệp	412,96	58,30	341,69	70,28
1.1	<i>Đất dịch vụ nông nghiệp</i>	90,07	12,71	65,02	13,37
1.2	<i>Đất trồng lúa</i>	21,02	2,97	14,01	2,88
1.3	<i>Đất nông lâm nghiệp kết hợp</i>	301,88	42,61	262,66	54,02
2	Đất lâm nghiệp	270,35	38,16	124,10	25,52
2.1	<i>Đất rừng phòng hộ</i>	11,80	1,67	11,80	2,43
2.2	<i>Đất lâm nghiệp</i>	258,55	36,50	112,30	23,10
3	Hồ, ao, đầm	6,78	0,96	6,78	1,39
4	Sông, suối	18,29	2,58	13,64	2,81

7. Định hướng phát triển không gian đô thị

7.1. Hướng phát triển đô thị

Lấy trung tâm đô thị Bằng Lũng hiện trạng làm trung tâm, là cơ sở để phát triển các khu chức năng đô thị. Cụ thể:

- Phía Đông phát triển theo dọc trục Quốc lộ 3B (ĐT 257 cũ) khu vực địa giới thị trấn, tiếp giáp với xã Phương Viên; phía Đông Bắc phát triển đến khu vực cánh đồng Khuổi Tráng đến khu vực chân núi Thôm Pinh. Tổng diện tích mở rộng đô thị về phía Đông, Đông Bắc khoảng 400ha.

- Phía Nam, Đông Nam phát triển dọc theo suối Nặm Càng đến khu vực cánh đồng Bản Duồng; phát triển dọc theo đường đi xã Đại Sảo đến khu vực thôn Bản Duồng 1, Bản Duồng 2. Tổng diện tích mở rộng đô thị về phía Nam, Đông Nam khoảng 191,37ha.

- Phía Tây phát triển đến khu vực cánh đồng Bản Tàn, tổng diện tích mở rộng đô thị về phía Tây khoảng 280ha.

- Phía Bắc phát triển qua khu vực thôn Cốc Thử và một phần thôn Nà Tùm xã Ngọc Phái đến suối Khau Cùm đoạn chảy qua cánh đồng Nà Bua. Tổng diện tích mở rộng đô thị về phía Bắc khoảng 100ha.

7.2. Định hướng phát triển không gian đô thị

- Cấu trúc đô thị:

Đường trục chính đô thị được hình thành trên cơ sở đường trục ngang (theo hướng Đông - Tây) và đường trục dọc (theo hướng Bắc - Nam) chạy qua đô thị. Trong đó, đường theo trục ngang, giữ nguyên mặt cắt ngang 19,5m; theo trục dọc, giữ nguyên mặt cắt ngang 22,5m. Trong khu vực chỉ cải tạo chỉnh trang các khu dân cư hiện trạng, điều chỉnh chức năng khu văn hóa thể thao sang vị trí tổ 8 (khu vực Khuổi Loóng) và cập nhật một số khu dân cư đô thị đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết (KDC tổ 1, tổ 2A; KDC tổ 9, KDC tổ 7). Quy hoạch các tuyến đường chính khu vực có mặt cắt ngang 30m và 26m để kết nối khu Văn hóa thể dục thể thao với trung tâm đô thị và để tạo cảnh quan cho khu vực. Điều chỉnh một số tuyến đường khu vực đảm bảo mặt cắt ngang tối thiểu theo quy định là 16m. Cập nhật thêm một số đường khu ở đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết.

- Các khu vực phát triển mới:

+ Khu vực phía Nam, Đông Nam với diện tích khoảng 191,37ha, hình thành khu vực đô thị mới trong tương lai, quy hoạch đường chính khu vực có mặt cắt ngang 30m làm đường chính khu vực theo trục dọc là điểm nhấn về không gian cho khu vực. Các đường chính khu vực theo trục ngang để liên kết với khu vực trung tâm đô thị có mặt cắt ngang tối thiểu là 23m. Quy hoạch nắn suối Nặm Càng và tuyến đường tránh phía Đông Nam dọc suối có mặt cắt ngang 16,5m, tuyến đường tránh đi qua đô thị sang xã Bằng Lãng nối với QL3C trong tương lai.

Trong khu vực tận dụng cánh đồng Bản Duồng để phát triển dịch vụ nông nghiệp chất lượng cao; cải tạo, chỉnh trang khu dân cư thôn Bản Duồng 1 và Bản Duồng 2 hiện có thành các khu dân cư mật độ thấp.

+ Khu vực phía Đông đến ranh giới của thị trấn, phía Bắc đến cánh đồng Khuổi Tráng với diện tích khoảng 400ha, quy hoạch Khu du lịch nghỉ dưỡng trải nghiệm với diện tích khoảng 218,48ha để khai thác du lịch sau khi dự án đập đập Khuổi Tráng được hoàn thành. Quy hoạch đường tránh Quốc lộ 3B phía Đông Bắc có mặt cắt ngang 16,5m để nối Khu du lịch với các khu vực trong đô thị. Quy hoạch Trung tâm hành chính mới của huyện tại vị trí phía sau Ban CHQS huyện, quy hoạch tuyến đường liên khu vực có mặt cắt ngang tối thiểu 26m để kết nối khu Trung tâm hành chính với các khu vực khác của đô thị.

+ Khu vực phía Tây đến cánh đồng Bản Tàn với diện tích khoảng 280ha. Mở rộng diện tích quy hoạch CCN Nam Bằng Lũng từ 20ha lên khoảng 45,14ha

và các khu dân cư dọc tuyến Quốc lộ 3C trong tương lai, cập nhật khu vực mỏ Nà Tùm, nghĩa trang, bãi rác Bản Tàn. Tại khu vực dọc tuyến QL3C trong tương lai quy hoạch các tuyến đường gom để đảm bảo phát triển đô thị dọc tuyến đường Quốc lộ. Đối với khu vực mỏ Nà Tùm khi đóng cửa dự kiến quy hoạch thành đất công viên thể thao, diện tích quy hoạch khoảng 44,45ha.

+ Khu vực phía Bắc đến thôn Cốc Thử qua thôn Nà Tùm, xã Ngọc Phái đến suối Khau Cùm với diện tích khoảng 100ha. Trong khu vực tận dụng cánh đồng Nà Bưa để phát triển dịch vụ nông nghiệp chất lượng cao; chỉnh trang các khu dân cư nông thôn hiện có làm cơ sở hình thành khu dân cư đô thị làm cơ sở mở rộng đô thị thị trấn Bằng Lũng.

+ Đối với một số khu vực đồi núi cao không thuận lợi phát triển đô thị được phát triển nông lâm nghiệp kết hợp có giá trị năng suất cao.

7.3. Phân khu chức năng trong đô thị

a) Các đơn vị ở

Khu nội thị thị trấn Bằng Lũng được tạo lập thành 03 đơn vị ở được bố trí phát triển theo trục dọc từ phía Bắc xuống phía Nam, được giới hạn như sau:

Đơn vị ở số 1: Được giới hạn phía Bắc giáp đường trục ngang; phía Nam chạy dọc ĐT254 xuống ngã 3 Bản Duồng; phía Đông đến chân đèo Nặm Càng và phía Tây đến Trường THPT Chợ Đồn; diện tích khoảng 58,46ha.

Đơn vị ở số 2: Được giới hạn phía Nam giáp đường trục ngang; phía Bắc giáp khu vực qua trường Nội trú; phía Đông đường giới hạn bởi đường liên khu vực và khu Trung tâm hành chính mới; phía Tây giáp khu vực núi đá; diện tích khoảng 93,67ha.

Đơn vị ở số 3: Được giới hạn phía Nam giáp đơn vị ở số 2; phía Bắc gồm toàn bộ khu dân cư hiện có đến ranh giới quy hoạch; phía Đông, phía Tây giáp Khu dự trữ phát triển; diện tích khoảng 44,90ha.

b) Khu phát triển du lịch

Phạm vi Khu phát triển du lịch được hình thành trên cánh đồng Khuổi Tráng (tương lai đắp thành hồ chứa nước), giới hạn đến đỉnh núi cao xung quanh cánh đồng. Diện tích toàn khu du lịch khoảng 218,48ha. Khu vực đỉnh núi Phia Vỳ xây dựng điểm ngắm cảnh và bảo vệ khu rừng tự nhiên với diện tích khoảng 14,26ha.

c) Khu đô thị mới phía Đông Nam: Được giới hạn phía Bắc, phía Tây đến đơn vị ở số 1, phía Nam đến cánh đồng Bản Duồng, phía Đông Nam chạy dọc suối Nặm Càng; diện tích khoảng 86,31ha.

d) Khu vực phát triển sản xuất công nghiệp: Gồm toàn bộ Khu vực Mỏ chì kẽm Nà Tùm hiện tại; khu vực hiện nay đang chế biến khoáng sản tiếp giáp

với xã Bằng Lãng và khu vực quy hoạch là CCN Nam Bằng Lãng. Diện tích khu vực khoảng 125,97ha. Sau năm 2030, trường hợp Mỏ chì kẽm Nà Tùm hoạt động kém hiệu quả sẽ chuyển thành đất công viên thể thao.

e) Khu thể dục, thể thao: Được bố trí tại Tổ 8 thị trấn (khu Khuổi Loỏng), diện tích khoảng 9,45ha.

g) Khu dự trữ phát triển: Được bố trí tại 03 khu gồm: Khu 1 tại phía Tây, khu 2 tiếp giáp với khu dân cư tổ 9 và khu 3 thuộc khu vực tổ 8, tổng diện tích khoảng 81,64ha.

h) Khu phát triển dịch vụ nông nghiệp: Được bố trí tại khu vực cánh đồng Nà Bura (bao gồm diện tích trồng lúa, trồng màu; diện tích sông suối....) thuộc thôn Nà Tùm và thôn Cốc Thử, xã Ngọc Phái, diện tích khoảng 37,18ha và cánh đồng Bản Duông, diện tích khoảng 28,0ha.

i) Khu rừng phòng hộ: Diện tích khoảng 10,21ha tại khu vực phía Bắc hồ Khuổi Tráng.

k) Khu dân cư mật độ thấp: Gồm khu dân cư thuộc các thôn Bản Duông 1, Bản Duông 2, diện tích khoảng 25,13ha.

l) Khu phát triển nông lâm nghiệp kết hợp: Diện tích khoảng 434,36ha.

8. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật

8.1. Hệ thống giao thông

- Giao thông đối ngoại:

+ Nâng cấp Quốc lộ 3B phía Đông đoạn từ xã Phương Viên đến cầu Nặm Cẳng có lộ giới 16,0m (lòng đường 8,0m, vỉa hè 4x2m).

+ Xây dựng đường tránh Quốc lộ 3B phía Đông Nam có lộ giới 16,5m (lòng đường 10,5m, vỉa hè 2x3m) (mặt cắt 4A-4A) đi qua đô thị sang xã Bằng Lãng đầu nối với QL 3C.

+ Xây dựng đường tránh Quốc lộ 3B phía Đông Bắc có lộ giới 16,5m (lòng đường 10,5m, vỉa hè 2x3m) (mặt cắt 4A-4A) đi qua Khu du lịch nghỉ dưỡng trải nghiệm hồ Khuổi Tráng và qua khu thể thao.

+ Nâng cấp Quốc lộ 3C phía Tây Nam đoạn từ xã Bằng Lãng đến chân đèo Lũng Váng có lộ giới 16,0m (lòng đường 8,0m, vỉa hè 4x2m).

+ Nâng cấp đường tỉnh 254 tại phía Bắc có lộ giới 22,5m (lòng đường 12,5m, vỉa hè 5x2m) (mặt cắt 1A-1A).

+ Nâng cấp Quốc lộ 3B phía Bắc đoạn từ ngã 3 Ba Bò đi xã Yên Thượng có lộ giới 26,0m (lòng đường 14m, vỉa hè 6x2m) (mặt cắt 2A-2A).

+ Nâng cấp Quốc lộ 3C tránh phía Tây qua đô thị có lộ giới 60,0m cả mặt cắt suối (lòng đường 7,5 x 2 + 11,5m, vỉa hè 3x4m, suối 11,5m, dải phân cách giữa 10,0m)- (mặt cắt 2-2).

- Giao thông đô thị: Mạng lưới đường đô thị được tổ chức theo dạng ô cờ, kết hợp mạng lưới đường vòng theo địa hình.

** Đường trục chính đô thị:*

+ Giữ nguyên mặt cắt ngang đường trục dọc (theo hướng Bắc - Nam) đoạn chạy qua đô thị để hình thành đường trục chính đô thị theo trục dọc, lộ giới là 22,5m (lòng đường 12,5m, vỉa hè 2x5m) (mặt cắt 1A-1A).

+ Giữ nguyên mặt cắt ngang đường trục ngang (theo hướng Đông - Tây) đoạn chạy qua đô thị để hình thành đường trục chính đô thị theo trục ngang, lộ giới là 19,5m (lòng đường 11,5m, vỉa hè 2x4m) (mặt cắt 2A-2A).

** Đường chính khu vực:*

+ Xây dựng tuyến đường chính khu vực phía Đông Nam theo trục dọc hướng từ phía Đông Bắc sang Tây Nam, 02 tuyến đường chính nối từ Trung tâm thể dục thể thao của huyện ra trung tâm đô thị và 01 tuyến đường chính tiếp nối đường trục chính theo trục ngang đô thị nối từ Quốc lộ 3C vào khu vực dự kiến phát triển phía Tây có lộ giới 30,0m (lòng đường 7,5 x 2m, vỉa hè 6 x 2m, dải phân cách giữa 3m) (mặt cắt 2B-2B).

+ Xây dựng 02 tuyến đường chính khu vực phía Đông Nam theo trục ngang nối khu vực Đông Nam với trung tâm đô thị có lộ giới 23,0m (lòng đường 13m, vỉa hè 2x5m) (mặt cắt 3B-3B).

** Đường liên khu vực:* Xây dựng các tuyến đường liên khu vực để nối các khu chức năng phục vụ kết nối các khu vực dân cư tập trung, các trung tâm công cộng. Tuyến đường liên khu vực có lộ giới 26,0m (lòng rộng 14,0m, vỉa hè 6 x 2 m) (Mặt cắt 3A-3A).

** Đường khu vực:* Xây dựng các tuyến đường mới kết hợp với cải tạo nâng cấp các tuyến đường hiện có đảm bảo quy mô đường khu vực. Lộ giới các tuyến đường khu vực là 16,0m (lòng đường rộng 7,0m, vỉa hè 4,5 x 2m) (mặt cắt 4-4). đoạn qua khu Văn hóa thể thao có lộ giới 35,0m (lòng đường 7,5 x 2m, vỉa hè 10 + 5m, dải phân cách giữa 5,0m) (mặt cắt 1-1). Các đoạn đường khu vực trong khu dân cư đã phê duyệt quy hoạch chi tiết có lộ giới 16,0m (lòng đường 8,0m, vỉa hè 4 x 2m) (mặt cắt 4C-4C) và có lộ giới 15,0m (lòng đường 9,0m, vỉa hè 3x2m) (mặt cắt 4D-4D).

** Đường trong khu du lịch:* Xây dựng đường trong khu du lịch nghỉ dưỡng trải nghiệm hồ Khuổi Tráng có lộ giới >10m (lòng đường 6,0m, vỉa hè >1+3m) (mặt cắt 4B-4B).

** Đường dọc suối Nặm Càng:* Xây dựng tuyến đường dọc suối Nặm Càng có mặt cắt ngang 16,0m (lòng đường 7,5m, vỉa hè 4,5+2m) (Mặt cắt 1B-1B) để phục vụ giao thông và đỗ xe cho các khu kinh doanh thương mại dịch vụ.

- *Giao thông tĩnh*: Cải tạo nâng cấp bến xe khách hiện có, diện tích khoảng 1,24ha. Các bãi đỗ xe được bố trí trong khu vực Trung tâm thể dục thể thao của huyện, tổng diện tích khoảng 4,08ha. Xây dựng 02 bãi đỗ xe phục vụ du lịch trong Khu du lịch nghỉ dưỡng trải nghiệm hồ Khuổi Tráng có diện tích 2,75ha.

8.2. Chuẩn bị kỹ thuật, thoát nước mưa

- Giải pháp san nền:

+ Quy hoạch chiều cao nền phải đảm bảo nguyên tắc thuận lợi cho thoát nước mặt, không bị ngập úng, với khối lượng đào đắp là ít nhất.

+ San nền cục bộ, giạt cấp theo từng tổ hợp công trình của từng khu vực, hạn chế san gạt đồi núi; chủ yếu cân bằng đào đắp, tôn trọng địa hình tự nhiên, đảm bảo cảnh quan tự nhiên và môi trường. Đối với khu vực hiện trạng cơ bản giữ nguyên cao độ hiện có.

- Giải pháp thoát nước mưa: Mạng lưới thoát nước mưa trong khu vực được thiết kế riêng rẽ với mạng lưới thoát nước thải; tận dụng suối hiện có làm lưu vực thoát nước. Toàn bộ đô thị được chia thành 3 lưu vực thoát nước chính:

+ *Lưu vực 1*: Toàn bộ khu vực Trung tâm và các khu vực phía Đông, phía Nam của đô thị từ khu vực trường Phổ thông dân tộc Nội trú trở xuống, khu vực trường THPT Chợ Đồn sang phía Đông, hướng thoát nước về phía Nam, Đông Nam đổ về suối Nặm Càng.

+ *Lưu vực 2*: Toàn bộ khu vực phía Bắc của đô thị từ khu vực trường Phổ thông dân tộc Nội trú trở lên, kết hợp với khu vực Khuổi Loóng, hướng thoát nước về phía Bắc đổ về suối Khau Cùm.

+ *Lưu vực 3*: Toàn bộ khu vực phía Tây của đô thị từ khu vực trường THPT Chợ Đồn sang phía Tây, hướng thoát nước về phía Tây đổ về suối Khau Cùm.

- Các giải pháp chuẩn bị kỹ thuật khác:

+ Đối với suối Nặm Càng xây các đập tràn giữ nước mặt để tạo cảnh quan cho đô thị.

+ Nạo vét và khơi thông lòng các suối hiện có, tạo cảnh quan môi trường và thoát nước cho khu vực.

+ Xây dựng hệ thống kè cảnh quan dọc hai bên các suối đoạn qua khu vực thiết kế.

8.3. Hệ thống cấp điện

- Nhu cầu dùng điện: Giai đoạn đầu (năm 2030) là 11.491kVA; giai đoạn dài hạn (năm 2050) là 19.720 kVA.

- Nguồn điện: Nguồn điện cung cấp cho đô thị được lấy từ trạm 110KVA-E26.2 Chợ Đồn có công suất 1x25MVA.

- Trạm biến áp, lưới điện 35kV, lưới điện 0,4kV, lưới chiếu sáng: Cải tạo, nâng cấp phù hợp với công suất sử dụng điện, phạm vi phục vụ và đảm bảo mỹ quan đô thị.

8.4. Hệ thống thông tin liên lạc

- Nhu cầu đến năm 2030 khoảng: 13.000 lines.

- Nhu cầu đến năm 2050 khoảng: 20.300 lines.

- *Định hướng phát triển viễn thông:* Là hạ tầng thiết yếu cho phát triển kinh tế số, phục vụ cho chuyển đổi số toàn diện. Dịch vụ viễn thông hướng tới các dịch vụ truyền thông, (CNTT- TT, Service) được bao trùm kết nối toàn diện phục vụ cho phát triển đô thị thông minh.

- *Truyền dẫn:* Nâng cao chất lượng dung lượng truyền dẫn cáp quang, tiếp tục đầu tư các tuyến cáp quang mới và hoàn thiện những mạch vòng, tạo điều kiện mở rộng các loại hình dịch vụ như truyền hình cáp, internet băng thông rộng, Video phone,...

- *Mạng ngoại vi*

+ Tiếp tục xây dựng và mở rộng cáp gốc, cáp nhánh trong giai đoạn tới.

+ Hạ ngầm các loại cáp trên đường phố để đảm bảo chất lượng thông tin và mỹ quan cho thị trấn đồng bộ với cơ sở hạ tầng khác.

+ Các công, bể cáp và nắp bể đã được chuẩn hóa về kích thước cũng như kiểu dáng – theo quy chuẩn của ngành.

+ Vị trí và khoảng cách bể cáp cách nhau 60-80m.

- *Mạng di động*

+ Khu vực thiết kế đang sử dụng các mạng: Vinaphone; Mobifone, Viettel. Tăng cường xây dựng mới, sử dụng chung trạm thu phát sóng để giảm bán kính phục vụ, tăng chất lượng dịch vụ.

+ Internet: Các nhà cung cấp dịch vụ sử dụng cáp quang băng rộng công nghệ FTTH.

8.5. Hệ thống cấp nước

- Nhu cầu dùng nước: Tổng nhu cầu dùng nước giai đoạn đầu (năm 2030) khoảng 2.200 m³/ngđ; giai đoạn dài hạn (năm 2050) khoảng 3.700 m³/ngđ.

- Nguồn nước: Nguồn nước mặt của hồ Khuổi Tráng và nước ngầm tại giếng Mắt Rồng đảm bảo lưu lượng, chất lượng cấp nước cho đô thị.

- Giải pháp cấp nước: Trạm xử lý nước sạch được đặt tại trên đồi, nước sạch đô thị được bơm vào mạng lưới cấp nước qua đường ống phân phối, dịch vụ cấp cho các đối tượng dùng nước.

- Mạng lưới đường ống: Thiết kế mạng lưới đường ống theo mạng vòng kết hợp nhánh.

- Hệ thống cấp nước cứu hoả: Được thiết kế chung với mạng lưới cấp nước sinh hoạt; tại các vị trí ngã 3, ngã 4 bố trí các trụ nổi để thuận tiện cho xe lấy nước chữa cháy.

8.6. Hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường

- Tổng cộng nước thải cần thu gom và xử lý đến năm 2030 là 1.400 m³/ngđ định hướng đến năm 2050 là 2.300m³/ngđ.

- Hệ thống mạng lưới thoát nước thải được thiết kế đi riêng, mạng lưới thoát nước tự chảy thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt và nước thải dịch vụ, công nghiệp đã qua xử lý cục bộ.

- Mạng lưới thoát nước thải thị trấn Bằng Lũng được phân chia thành 03 lưu vực thu gom như sau:

+ *Lưu vực 1*: Toàn bộ nước thải khu vực trung tâm và các khu vực phía Đông, phía Nam của đô thị từ khu vực trường Phổ thông dân tộc Nội trú trở xuống, khu vực trường THPT Chợ Đồn sang phía Đông được thu gom đến trạm xử lý nước thải số 01 có công suất khoảng 1.000m³/ngđ.

+ *Lưu vực 2*: Toàn bộ nước thải khu vực phía Bắc của đô thị từ khu vực trường Phổ thông dân tộc Nội trú trở lên, kết hợp với khu vực Khuổi Loỏng được thu gom đến trạm xử lý nước thải số 02 có công suất khoảng 400m³/ngđ.

+ *Lưu vực 3*: Toàn bộ nước thải khu vực phía Tây của đô thị từ khu vực trường THPT Chợ Đồn sang phía Tây; nước thải tại CCN Nam Bằng Lũng được thu gom đến trạm xử lý nước thải số 03 có công suất khoảng 900m³/ngđ.

- Chất thải rắn: Rác thải sinh hoạt được phân loại tại nguồn và chất thải rắn của toàn thị trấn được thu gom về khu xử lý hiện có, rác thải được xử lý bằng công nghệ đốt, tái chế, hạn chế chôn lấp để tránh làm ô nhiễm môi trường. Lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trung bình 1,0 kg/người.ngđ; tổng lượng rác thải sinh hoạt đợt đầu (2030) là 10,8 tấn/ngày; Dài hạn (2050) là 18 tấn/ngày. Tổ chức thu gom xử lý rác thải, nước thải trong đô thị đạt 100%.

- Nước thải sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn được thoát ra Suối Khau Cùm ở phía Bắc và phía Tây, suối Nặm Cẳng tại Phía Nam.

- Bùn thải: Bùn thải được thu gom về các khu xử lý, tại các khu xử lý nước thải bố trí các sân phơi bùn để xử lý. Lưu lượng bùn thải phát sinh bình quân là 0,05 m³/người/năm. Tổng lượng bùn thải đợt đầu (2030): 490 m³/năm; dài hạn (2050): 750 m³/ năm.

- Nghĩa trang: Được bố trí tại vị trí hiện nay thuộc thôn Bản Tàn.

8.7. Giải pháp về bảo vệ môi trường

- Chú trọng việc trồng cây xanh tạo môi trường sinh thái đô thị xanh - sạch - đẹp.
- Trồng cây xanh hai bên trục đường giao thông và khu công viên; chú trọng trồng cây xanh vườn hoa, gắn với cây xanh mặt nước, tạo điểm nhấn cho đô thị. Tổ chức trồng cây xanh trong sân vườn, khuôn viên trong các cơ quan nhà nước, công trình công cộng.

9. Các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư

9.1. Giai đoạn đến năm 2030

- Lập Quy chế quản lý kiến trúc đô thị; lập quy hoạch phân khu Khu du lịch nghỉ dưỡng trải nghiệm hồ Khuổi Tráng; lập quy hoạch chi tiết... . Các quy hoạch này sẽ là cơ sở cho quản lý đầu tư xây dựng, kiểm soát phát triển và khuyến khích đầu tư cho các thành phần kinh tế, thu hút đầu tư ngoài ngân sách.

- Các dự án về giao thông:

- + Nâng cấp cải tạo 02 tuyến đường trục chính đô thị theo trục dọc và trục ngang.
- + Xây dựng tuyến đường giao thông tránh phía Đông Nam, chiều dài khoảng 3,7km, mặt cắt ngang rộng 16,5m (lòng đường 10,5m, vỉa hè 3x2m).
- + Xây dựng tuyến đường giao thông tránh phía Đông Bắc, chiều dài khoảng 4,1km, mặt cắt ngang rộng 16,5m (lòng đường 10,5m, vỉa hè 3x2m).
- + Xây dựng tuyến đường giao thông liên khu vực phía Đông Bắc, chiều dài tuyến khoảng 2,1km, mặt cắt ngang 26,0m (lòng đường rộng 14,0m, vỉa hè rộng 6 x 2 m). Đồng thời, xây dựng tuyến đường liên khu vực nối từ trung tâm đô thị lên khu Trung tâm hành chính, chiều dài tuyến 0,39km, mặt cắt ngang 26,0m (lòng đường rộng 14,0m, vỉa hè rộng 6 x 2m).
- + Xây dựng tuyến đường giao thông trục chính khu vực nối từ trung tâm đô thị vào Khu thể dục thể thao huyện, chiều dài tuyến 0,75km, mặt cắt ngang 30,0m (lòng đường 7,5 x 2m, dải phân cách 3,0m, vỉa hè 6 x 2m).
- + Xây dựng tuyến đường giao thông trục chính khu vực nối từ Phía Đông Bắc xuống Tây Nam qua giữa Khu đô thị mới phía Nam, chiều dài tuyến 1,78km, mặt cắt ngang 30,0m (lòng đường 7,5x2m, dải phân cách 3,0m, vỉa hè 6 x 2m).

- Các dự án phát triển khu dân cư, hạ tầng xã hội đô thị:

- + Cải tạo chỉnh trang, hoàn thiện các đơn vị ở, các khu dân cư theo quy hoạch.
- + Xây dựng Khu thể dục, thể thao, diện tích khoảng 9,45ha.
- + Xây dựng Trung tâm hành chính có diện tích khoảng 6,7ha và khu vực dự kiến bố trí các cơ quan trung ương đóng trên địa bàn, có diện tích 1,67ha.

+ Xây dựng khu Quảng trường trung tâm, Trung tâm hội nghị, Trung tâm văn hóa, Trung tâm hoạt động Thanh thiếu nhi, tổng diện tích khoảng 4,8ha.

+ Xây dựng khu công viên cây xanh, hồ nước tại khu vực tổ 8, diện tích 4,7ha.

+ Xây dựng Trạm y tế thị trấn diện tích 0,27ha.

+ Xây dựng Công an thị trấn, diện tích 0,64ha.

+ Cải tạo mở rộng Công an huyện Chợ Đồn, diện tích 0,76ha.

- Các dự án đầu tư về hạ tầng kỹ thuật:

+ Xây dựng mở rộng Bến xe khách diện tích 1,24ha.

+ Cải tạo nâng cấp Trạm cấp nước sạch, hệ thống đường ống cấp nước.

+ Cải tạo nâng cấp khu vực bãi rác, nghĩa trang.

+ Xây dựng hạ ngầm các công trình hạ tầng trong khu vực trung tâm đô thị và các khu vực xây dựng mới.

- Dự án du lịch: Xây dựng Điểm ngắm cảnh Phia Vây.

- Dự phát phát triển công nghiệp: Xây dựng Cụm công nghiệp Nam Bằng Lãng với quy mô diện tích là 20ha, định hướng mở rộng lên 45ha.

- Các dự án phát triển nông nghiệp:

+ Phát triển khu vực cánh đồng Nà Bura thuộc thôn Nà Tùm, thôn Cốc Thử, xã Ngọc Phái, diện tích khoảng 37,18ha và cánh đồng Bản Duông, diện tích khoảng 28,0ha thành khu vực dịch vụ nông nghiệp chất lượng cao.

+ Xây dựng dự án Hồ chứa nước Khuổi Tráng.

+ Phát triển các dự án nông lâm nghiệp kết hợp. Diện tích khoảng 434,36ha.

9.2. Giai đoạn sau năm 2030

- Xây dựng các tuyến đường giao thông theo quy hoạch đô thị.

- Chính trang các con suối tạo cảnh quan cho đô thị.

- Phát triển Khu đô thị mới phía Đông Nam, diện tích khoảng 86,31ha.

- Đầu tư xây dựng và phát triển khu vực hồ Khuổi Tráng thành Khu du lịch nghỉ dưỡng, trải nghiệm, quy mô 218,48ha.

- Đầu tư xây dựng phát triển đô thị về phía Tây và các khu vực dự trữ phát triển theo quy hoạch.

- Mở rộng khu sản xuất công nghiệp tại vị trí tiếp giáp với xã Bằng Lãng theo quy hoạch.

9.3. Nguồn lực thực hiện

- Tổng kinh phí xây dựng và phát triển đô thị đến năm 2030 khoảng 3.417 tỷ đồng.

- Thực hiện từ nguồn vốn ngân sách nhà nước
- + Nguồn vốn từ Trung ương: Thực hiện cải tạo, xây mới tuyến đường quốc lộ, tỉnh lộ; xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật và công trình xã hội cấp tỉnh.
- + Nguồn vốn của tỉnh: Thực hiện cải tạo, xây dựng mới các mạng đường chính, phân khu vực và hệ thống hạ tầng xã hội cấp huyện, cấp xã.
- + Nguồn vốn của huyện: Thực hiện các dự án xây dựng để quản lý, các dự án phát triển nông nghiệp.
- Nguồn vốn xã hội hóa: Nguồn vốn từ mời gọi các nhà đầu tư thực hiện các dự án với những chính sách và hình thức như ưu đãi đầu tư, đổi đất lấy hạ tầng...
- Các nguồn vốn khác: Vốn hỗ trợ của nước ngoài, vốn từ các công trình mục tiêu Quốc gia và các nguồn vốn hợp pháp khác.

10. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch: Ban hành kèm theo quyết định phê duyệt quy hoạch này.

11. Tổ chức thực hiện

11.1. UBND huyện Chợ Đồn

- Chịu trách nhiệm tổ chức công bố quy hoạch và đưa mốc giới ra ngoài thực địa sau khi đồ án được phê duyệt; có trách nhiệm quản lý, tổ chức thực hiện theo quy hoạch được duyệt.
- Tổ chức lập các đồ án quy hoạch chi tiết phù hợp với quy hoạch chung được duyệt làm cơ sở quản lý đất đai, trật tự xây dựng, quản lý kiến trúc đô thị và mời gọi đầu tư để phát triển đô thị.
- Lập chương trình dài hạn và các kế hoạch ngắn hạn hàng năm thực hiện đầu tư, phát triển và nâng cấp đô thị.
- Đề xuất các chính sách khuyến khích đầu tư phát triển đô thị theo hướng xã hội hóa trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

11.2. Sở Xây dựng

- Tổ chức lập Quy chế quản lý kiến trúc theo quy định làm cơ sở để quản lý kiến trúc, cấp giấy phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng theo quy hoạch được duyệt.
- Thực hiện quản lý nhà nước về lĩnh vực quy hoạch xây dựng; kiểm tra, đôn đốc hướng dẫn việc quản lý và thực hiện quy hoạch.

11.3. Sở Tài nguyên và Môi trường

Thực hiện quản lý nhà nước về lĩnh vực đất đai và môi trường trong đô thị; kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn việc quản lý, sử dụng đất đai trong đô thị theo quy hoạch được duyệt.

11.4. Các Sở, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan: Thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp thực hiện tốt Quy hoạch này.

(Có hồ sơ chi tiết kèm theo)

Điều 2. UBND huyện Chợ Đồn có trách nhiệm tổ chức thực hiện các thủ tục tiếp theo, đảm bảo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các ông, bà: Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng; Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Giao thông vận tải; Tài nguyên và Môi trường; Công Thương; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Chủ tịch UBND huyện Chợ Đồn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (t/h);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UB MTTQ VN tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh;
- CVP, các PCVP;
- Lưu VT, GTCNXD (Hiên).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đình Quang Tuyên